



ĐỂ TƯỞNG NHỚ ÔNG THỦ KHOA-HUÂN (1830-1875) ANH HÙNG CHỐNG PHÁP

NGUYỄN PHÚ THỨ

Khi nhắc đến Ông Nguyễn-Khoa-Huân tức Thủ-Khoa-Huân, người Miền Tây Nam Phần Việt-Nam ghi công một nhân-tài khoa-bảng và một chiến-sĩ chống Pháp rất gan-dạ oai-hùng. Tại châu thành Mỹ-Tho chúng ta còn thấy có con đường mang tên Ông và đặt tượng đá kỷ-niệm tại thị xã này. Ngoài ra, tại thị-xã Cần-Thơ cũng có con đường và một trường trung-học tư thực mang tên Thủ-Khoa-Huân.

Được biết, Ông Nguyễn-Hữu-Huân (1830-1875), sanh tại làng Tịnh-Hà (nay thuộc xã Mỹ-Tịnh-An, Tỉnh Mỹ-Tho), con của Ông Nguyễn-Hữu-Lý, làm Ông cả trong làng, người địa-phương thường gọi Ông Cả Cầm, thưở nhỏ đi học ở Mỹ-Tho cho đến kỳ thi hương xem thi cử - nhơn ngày này, thì Ông mới đi Gia-Định để thi và đậu thủ-khoa khi Ông mới 21 tuổi, cho nên người đời gọi Ông ngắn gọn là Thủ-Khoa-Huân (bởi vì, nếu gọi Thủ Khoa Nguyễn-Hữu-Huân quá dài) và Ông được bổ-nhậm Giáo-Thọ tại Mỹ Tho. Nhưng, Ông không vì quyền lợi riêng tư để vinh thân phì da cho cá-nhân và gia-đình Ông mà quên bổ-phận đối với đất nước lúc bấy giờ bị quân thực-dân Pháp xâm lăng, cho nên Ông mạnh dạn từ bỏ chức Giáo-Thọ để liên kết với các sĩ phu để chiêu mộ nghĩa binh đứng lên chống lại quân ngoại xâm. Năm 1861, khi quân Pháp tiến đến để đánh vào Mỹ Tho, Ông hiệp cùng với Ông Võ-Duy-Dương tức Thiên-Hộ-Dương phát động cuộc khởi-nghĩa lần thứ nhứt để đương đầu trực-tiếp với chống Pháp. Ngoài ra, hai ông còn liên-kết với Ông Trương-Công-Định ở Gò-Công để chống Pháp. Quân Pháp tập trung quân tấn công Ông Trương-Công-Định, làm cho cánh quân Ông Trương-Công-Định thất thủ, đưa đến Ông Trương-Công-Định tự-vận để khỏi vào tay giặc. Từ đó, chỉ còn hai ông: Thiên-Hộ-Dương làm Chánh Đề-Đốc và Thủ-Khoa-Huân làm Phó Đề-Đốc đánh quân Pháp, mãi đến năm sau tức 1862, Ông Thủ-Khoa-Huân bị giặc Pháp bắt, Án Sát Phạm-Hoàng-Đạo tâu lên vua Tự-Đức để chiêu chỉ vô Nam cho quan đầu Tỉnh An-Giang (lúc đó còn trực thuộc triều đình Huế) dạy phải thả ngay Ông Thủ-Khoa-Huân và đưa về Huế. Khi chiêu chỉ vua tới An-Giang, thì Ông Thủ-Khoa-Huân đã bị giao cho quân Pháp rồi. Lúc đó, Bà Thủ-Khoa-Huân như danh Lê-Thị-Lộc làm đơn kiện quan đầu Tỉnh An-Giang không tuân chiếu chỉ vua ban, đồng thời Bà đòi Pháp phải trả ngay Ông Thủ-Khoa-Huân. Ở trong tù tại khám lớn ở Sài-Gòn, Ông Thủ-Khoa-Huân khi hay tin này, có làm bài thơ gởi cho Bà, đã dịch sang chữ nôm như sau :

Xem qua thơ gởi rất kinh hoàng,

Nhi nữ chà chà cũng lớn gan,

Đơn bẩm cuối luôn loài bạch qui^[1]

Sân qui vất vả phận hồng nhan

Bán mình đâu ngại phiền lòng sắc

Chuộc tội thà xin trọn nghĩa vàng

Tiết khí dưới trần coi ít mặt

Cang thường^[2] càng trọng gánh giang sang.

Ngoài ra, giặc Pháp đã dùng đủ phương cách để cho Ông hàng, từ hăm dọa đến cực hình hoặc tình-căm đến vật-chất để mua chuộc, nhưng Ông không hề nao-núng và mạnh dạng từ chối, kể cả mọi vinh hoa phú quý và một lòng trung-kiên bất-khuất chống lại ngoại xâm. Cuối cùng Ông lợi-dụng sơ xuất của giặc nên Ông trốn thoát trở về hoạt-động kháng-chiến trở lại và cùng với Ông Thiên-Hộ-Dương chiêu mộ nghĩa-binh để khởi sự cuộc kháng chiến lần thứ hai vào năm 1863, được sự ủng-hộ mạnh-mẽ của của toàn dân Miền Tây Nam Bộ kết hợp với phong trào chống Pháp của người Cao-Miên (Khmer), nên giặc Pháp cùng các quân Việt- gian như Đỗ-Hữu-Phương phải mất ăn mất ngủ và phải bao vây càn quét, tấn công nhiều phen kinh hồn vào các vùng chiến-khu mới bắt được Ông Thủ-Khoa-Huân lần thứ hai sau 1 năm trốn thoát (1864). Lần này, chính tên tướng De La grandière, tổng tư-lệnh quân-đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương đích thân gặp Ông Thủ-Khoa-Huân để đối-đãi lịch-sự đồng thời tỏ ý mời Ông tham gia làm việc với giặc Pháp, với bổng lộc và chức-vụ cao. Nhưng, bị Ông Thủ-Khoa-Huân nhứt định từ chối, trong khi đó những bọn Việt gian, bán hết lương tâm, không nghĩ tình ruột thịt dân-tộc giống nòi thì rất thèm thuồng chức-tước của giặc ban cho Ông Thủ-Khoa-Huân không nhận. Cuối cùng, Ông Thủ-Khoa-Huân bị khép tội chống lại chánh-phủ Pháp và bị đày 10 năm khổ sai biệt xứ và đưa ra đảo Réunion một hòn đảo ở Đông Nam Phi Châu, Madagasca thuộc Pháp (nơi hòn đảo này cũng là nơi vua **Thành-Thái** (1889-1907) bị đày từ năm 1915 đến tháng 5 năm 1947). Với cái án 10 năm tù khổ sai biệt xứ, nhưng Ông Thủ-Khoa-Huân không bao giờ nản ý-chí chống lại giặc Pháp và cứu nước của Ông. Với tinh thần bất-khuất oai-hùng đó, được thể hiện qua các bài thơ yêu nước nồng nàn của Ông, xin trích dẫn đơn cử như sau :

Bị Đày

Trăm việc nên hư cũng bởi trời,

Cái thân chìm nổi biết bao nơi,

Mấy hồi tên đạn ra tay thử,

Ngàn dặm non sông dạo gót chơi,^[3]

Chén rượu Tân Đình chưa mãn tiệc,

Câu thơ cổ quốc chẳng nên lời,

Cang thường bởi biết nên mang nặng.

Hề đứng làm trai chắc nợ đời,

Ông Thủ-Khoa-Huân, còn rất nhiều bài thơ nữa, xin trích-dẫn ví như các bài sau đây :

Tri Kỷ

Có ai tri kỷ nhấn đôi lời,

Biết thú chi vui rủ dạo chơi,

Chốn cũ phong lưu quen những thuở,

*Cảnh này quyến thức hẳn không người,
Ở ăn tuy phải nương cùng tục,
Khó nhọc đà nên cực nỗi đời,
Hương hỏa ba sinh^[4] dầu chẳng toại,
Đừng đem hình dịch^[5] để triêu người.*

Bữa Cùi

*Rừng nho nhen nhúm mảng lân la,
Bữa cùi không quen nhọc sức à,
Búa báo đốc toan rèn cội dước,
Gươm linh đâu nở chém cây đà,
Đoạn ngay chỉ quyết phòng kinh chín,
Khúc vạy lòng toan muốn chặt ba^[6] ,
Vãn võ^[7] bao nhiêu ôm để đó,
Chờ khi nấu nước sẽ đem ra.*

Cảm Xúc Tự Thuật

*Tòng Cúc ngày xưa thấy đặng còn,
Thân này chẳng thẹn với non sông,
Miếu đường^[8] xa cách niềm tôi chúa,
Gia thất buộc ràng nghĩa vợ con,
Áo Hán mười phần thay cách lạ,
Rượu Hồ một mực đắm mùi ngon^[9] ,
Giang Đông vẫn biết nhiều anh tuấn,
Cuốn đất kìa ai dám hỏi don.*

xử và đưa Ông về quê-hương giao cho tên Việt gian Đỗ-Hữu-Phương quản thúc ở Chợ Lớn để dạy học, đồng thời đem vinh hoa phú-quí dụ dỗ lần nữa, nhưng bị Ông Thủ-Khoa-Huân một mực khước từ, bởi một lòng một dạ với đất nước và dân-tộc trước sau như một. Rồi thừa lúc sơ hở Ông trốn thoát về An-Giang để hợp cùng các kháng-chiến quân chống giặc Pháp lần thứ ba .

Đầu năm 1874, cuộc kháng chiến chống giặc Pháp vẫn theo lối đánh du-kích, địa bàn hoạt-động của kháng-chiến quân chạy dài từ Bình-Cách qua Bến-Tranh, Cai-Lậy đến Mỹ-Quí, làm cho giặc Pháp phải chùn bước xăm lãng, cho nên quân Pháp bắt buộc phải dồn lực-lượng để đánh bại kháng-chiến quân vào đầu năm 1873. Riêng Ông Thủ-Khoa-Huân cùng người tùy tùng là Đốc Binh Hương lên về Chợ Gạo dự định quá giang thuyền buôn ra Bình-Thuận cầu viện, nhưng dự-định bất thành, Ông bị quân Pháp và Tổng Đổng Đốc Lộc bài kếp bắt Ông và đem về giam tại Mỹ-Tho, tại đây bọn chúng cũng dụ hàng, nhưng không thể lay chuyển Ông. Mãi đến ngày 19 tháng 5 năm 1875 dương-lịch, nhằm ngày rằm tháng tư âm-lịch năm Ất-Hợi, giặc Pháp cho chở Ông về quê-hương ở làng Tịnh-Hà để chịu án tử hình, Ông bị mang gông ngồi trên mui tàu và cho loa gọi dân chúng hai bên bờ sông ra xem, nhưng dân chúng ở đây đặt bàn thờ để tiễn đưa Ông. Mặc dầu cái chết gần kề, nhưng Ông vẫn ung-dung ứng khẩu một bài thơ để đời như sau:

Mang Gông

Hai bên thiên-hạ thấy hay không?

Một gánh cang-thường há phải gông,

Oằn oại đôi vai quân-tử trúc,

Lung lay một cổ trượng-phu tông,

Thác về đất Bắc danh còn rạng,

Sống ở thành Nam tiếng bỏ không,

Thắng bại dinh du trời khiến chịu,

Phản thành đưa quả đưa cười ông.

Khi tàu cập bến giáp nước làng Tịnh Hà, giặc Pháp đưa Ông lên nơi xử tử và cho phép Ông làm các ước nguyện cuối cùng:

✚ Viết đôi liễn cho gia-đình Ông thờ như sau :

Hữu chí nan thân không uống bách niên chiêu vật nghị,

Duy công bất tỵ diệt quyên bất tử báo quân ân.

Xin tạm dịch là :

Có chí khó giương ra, luống để trăm năm mang miệng
thế.

Đầu công không đạt được cũng liều một chết đáp ơn vua.

✚ Hướng về Triều đình lạy ba lạy để báo ơn vua.

✚ Yều cầu cho gia-đình nhận lãnh xác và đầu về chôn chung.

Theo Ông Nguyễn Phương (Paris 1998) viết trong Đặc San Tiền Giang số 3, xin trích dẫn như sau :

Hữu chí nam thân, không uống bách niên chiêu vật nghị,

Tuy công bất tỵ, diệc, tương nhất tử báo quân ân.

Xin tạm dịch là :

Có chí khó bày, không uống trăm năm lời nghị chúng

Tuy công chưa tới, cũng đành một thác báo ơn vua.

Được biết, Ông Thủ Khoa Huân, lúc đó được 35 tuổi đã đền xong nợ nước tại đầu cầu Cai Lộc khoảng giữa đường Mỹ Tho và Long An (đường dọc theo bờ Bảo Định Hà) gần chợ Thân Trọng.

Ngày nay, nếu ai có dịp đi từ Sài Gòn đến Mỹ Tho, khi đến ngã ba Tân Hiệp, rẽ trái, trên con lộ đá đỏ khoảng 5 cây số, đưa đến Tịnh Hà, gần đến cầu sắt "Cai Lộc" bắc qua sông Bảo Định, rẽ trái vào một đoạn đường đất, thì sẽ thấy đình thờ và phần mộ của Ông Thủ Khoa Huân, anh hùng dân tộc để viếng thăm, nằm trên một nền đất cao giữa ruộng, vườn cây xanh. Trờ qua cầu sắt cạnh ngã tư (đường xuống Nhựt Tiên, đường ra Phú Kiết, đường về Tân An, đường Lên giồng Tân Hiệp) sẽ thấy tấm bia mộ của Ông do con cháu dựng nên sơ sài.

[1] *Bạch quĩ* = Chi quân Pháp.

[2] *Cang thường* = *Tam Cang* là Quân Vi Thần Cang, Phụ Vi Tử Cang, Phu Vi Thê Cang là ba giếng mỗi buộc Vua tôi, Cha con, Chồng vợ. Và *Ngũ Thường* là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

[3] Nghĩa khí của Ông Thủ-Khoa-Huân xem lần tên mũi đạn khi chống giặc Pháp như một trò thử thách và đi đánh giặc đó đây không khác đi ngàn dặm non sông dạo gót chơi. Quả thật Ông Thủ-Khoa-Huân xem cái chết tở lòng hồng, không hề nao núng.

[4] *Hương hóa ba sinh* . Ở đây cả câu thơ này ý nói công ơn tổ tiên chưa được đền đáp cho toại nguyện qua ba kiếp người.

[5] *Hình dịch* ý nói công việc khổ sai.

[6] Ví kẻ xấu thì phải trừng trị.

[7] Văn võ = ý nói hiện nay ông bị tù đầy thì văn võ của ông có được phải

[8] Miếu đường = Ý nói triều đình.

[9] Ý nói Tô Vũ thời Hán đi sứ rợ Hồ bị bắt và sai Hồ gian tới dụ hàng. Tô Vũ một mực trung thành với nhà Hán mà không màng đến lợi danh vật chất mà phân bội quê-hương, không khác Ông Thủ-Khoa-Huân ngày nay.